

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: VĂN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0						
1	2193360269	Ngô Bắc	Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	7.0	8.0	7.7		6.8		7.1	Đạt	
2	2193360055	Trần Hữu	Cường	25/02/1997	02DS12D1	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt	
3	2193360011	Nguyễn Thị Bích	Dân	07/09/2000	02KT12D1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt	
4	2193360225	Lưu Thị	Nam	10/10/1988	02YS12D1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
5	2193360265	Võ Thị Mỹ	Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	7.0	6.0	6.3		4.5		5.2	Đạt	
6	2193360277	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	7.0	7.0	7.0		6.3		6.6	Đạt	
7	1833620192	Lê Thị Huỳnh	Như	12/08/1994	02KT12D1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
8	2193360136	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1996	02KT12D1	7.0	6.0	6.3		6.5		6.4	Đạt	
9	2193360027	Nguyễn Trọng	Phú	11/05/2002	02DD12D1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt	
10	2193360186	Hồ Văn	Quý	30/10/1995	02YS12D1	7.0	6.0	6.3		5.5		5.8	Đạt	
11	2193360268	Nguyễn Cao	Trang	03/05/2002	02DS12D1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
12	2193360166	Nguyễn Thanh	Vi	03/03/1999	02DD12D1	7.0	8.0	7.7		4.5		5.8	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: VĂN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
1	1833620192	Lê Thị Huỳnh	Như	12/08/1994	02KT12D1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt	
2	2193360269	Ngô Bắc	Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại	
3	2193360055	Trần Hữu	Cường	25/02/1997	02DS12D1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
4	2193360011	Nguyễn Thị Bích	Dân	07/09/2000	02KT12D1	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt	
5	2193360225	Lưu Thị	Nam	10/10/1988	02YS12D1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại	
6	2193360265	Võ Thị Mỹ	Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt	
7	2193360277	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
8	1833620192	Lê Thị Huỳnh	Như	12/08/1994	02KT12D1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại	
9	2193360136	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1996	02KT12D1	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt	
10	2193360027	Nguyễn Trọng	Phú	11/05/2002	02DD12D1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
11	2193360186	Hồ Văn	Quý	30/10/1995	02YS12D1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt	
12	2193360268	Nguyễn Cao	Trang	03/05/2002	02DS12D1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
13	2193360166	Nguyễn Thanh	Vi	03/03/1999	02DD12D1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: VĂN 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
1	2193360269	Ngô Bắc	Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt	
2	2193360055	Trần Hữu	Cường	25/02/1997	02DS12D1	6.0	6.0	6.0		5.8		5.9	Đạt	
3	2193360011	Nguyễn Thị Bích	Dân	07/09/2000	02KT12D1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt	
4	2193360265	Võ Thị Mỹ	Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt	
5	2193360277	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt	
6	2193360136	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1996	02KT12D1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt	
7	2193360027	Nguyễn Trọng	Phú	11/05/2002	02DD12D1	6.0	7.0	6.7		5.5		6.0	Đạt	
8	2193360186	Hồ Văn	Quý	30/10/1995	02YS12D1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt	
9	2193360268	Nguyễn Cao	Trang	03/05/2002	02DS12D1	7.0	6.0	6.3		5.3		5.7	Đạt	
10	2193360166	Nguyễn Thanh	Vi	03/03/1999	02DD12D1	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt	
11	2193360225	Lưu Thị	Nam	10/10/1988	02YS12D1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	
12	1833620192	Lê Thị Huỳnh	Như	12/08/1994	02KT12D1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
1	2193360110	Nguyễn Lưu Tuyết	Anh	25/04/2002	02DS12D1	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt	
2	2193360269	Ngô Bác	Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	5.0	5.0	5.0		10.0		8.0	Đạt	
3	2193360055	Trần Hữu	Cường	25/02/1997	02DS12D1	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt	
4	2193360011	Nguyễn Thị Bích	Dân	07/09/2000	02KT12D1	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt	
5	2193360265	Võ Thị Mỹ	Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2	Đạt	
6	2193360277	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt	
7	2193360136	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1996	02KT12D1	7.0	7.0	7.0		9.5		8.5	Đạt	
8	2193360027	Nguyễn Trọng	Phú	11/05/2002	02DD12D1	7.0	7.0	7.0		9.5		8.5	Đạt	
9	2193360186	Hồ Văn	Quý	30/10/1995	02YS12D1	6.0	6.0	6.0		9.0		7.8	Đạt	
10	2193360268	Nguyễn Cao	Trang	03/05/2002	02DS12D1	8.0	8.0	8.0		8.3		8.2	Đạt	
11	2193360166	Nguyễn Thanh	Vi	03/03/1999	02DD12D1	5.0	5.0	5.0		9.5		7.7	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2			
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
1	2193360110	Nguyễn Lưu Tuyết	Anh	25/04/2002	02DS12D1	9.5	9.5	9.50		7.8		8.5	Đạt	
2	2193360269	Ngô Bác	Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	10.0	10.0	10.00		9.5		9.7	Đạt	
3	2193360055	Trần Hữu	Cường	25/02/1997	02DS12D1	10.0	10.0	10.00		10.0		10.0	Đạt	
4	2193360011	Nguyễn Thị Bích	Dân	07/09/2000	02KT12D1	9.0	9.0	9.00		10.0		9.6	Đạt	
5	2193360265	Võ Thị Mỹ	Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	10.0	10.0	10.00		8.8		9.3	Đạt	
6	2193360277	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	9.0	9.0	9.00		9.8		9.5	Đạt	
7	2193360136	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1996	02KT12D1	10.0	10.0	10.00		9.3		9.6	Đạt	
8	2193360027	Nguyễn Trọng	Phú	11/05/2002	02DD12D1	9.5	9.5	9.50		9.0		9.2	Đạt	
9	2193360186	Hồ Văn	Quý	30/10/1995	02YS12D1	8.0	8.0	8.00		8.8		8.5	Đạt	
10	2193360268	Nguyễn Cao	Trang	03/05/2002	02DS12D1	9.0	9.0	9.00		9.8		9.5	Đạt	
11	2193360166	Nguyễn Thanh	Vi	03/03/1999	02DD12D1	10.0	10.0	10.00		9.3		9.6	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0		6.0	6.0			
1	2193360110	Nguyễn Lưu Tuyết	Anh	25/04/2002	02DS12D1	6.5	6.5	6.5		7.0		6.8	Đạt	
2	2193360269	Ngô Bắc	Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	10.0	10.0	10.0		7.3		8.4	Đạt	
3	2193360055	Trần Hữu	Cường	25/02/1997	02DS12D1	10.0	10.0	10.0		7.0		8.2	Đạt	
4	2193360011	Nguyễn Thị Bích	Dân	07/09/2000	02KT12D1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt	
5	2193360265	Võ Thị Mỹ	Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	10.0	10.0	10.0		7.3		8.4	Đạt	
6	2193360277	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	5.5	5.5	5.5		6.5		6.1	Đạt	
7	2193360136	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1996	02KT12D1	9.5	9.5	9.5		1.3		4.6	Thi lại	
8	2193360027	Nguyễn Trọng	Phú	11/05/2002	02DD12D1	10.0	10.0	10.0		7.8		8.7	Đạt	
9	2193360186	Hồ Văn	Quý	30/10/1995	02YS12D1	8.5	8.5	8.5		7.5		7.9	Đạt	
10	2193360268	Nguyễn Cao	Trang	03/05/2002	02DS12D1	10.0	10.0	10.0		6.5		7.9	Đạt	
11	2193360166	Nguyễn Thanh	Vi	03/03/1999	02DD12D1	9.5	9.5	9.5		7.8		8.5	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: LÝ 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2193360265	Võ Thị Mỹ Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	5.3	6.3	6.0		6.0		6.0	Đạt	
2	2193360011	Nguyễn Thị Bích Dân	07/09/2000	02KT12D1	9.0	10.0	9.7		7.3		8.2	Đạt	
3	2193360136	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/02/1996	02KT12D1	8.0	8.8	8.5		4.0		5.8	Đạt	
4	2193360166	Nguyễn Thanh Vi	03/03/1999	02DD12D1	7.5	8.0	7.8		4.0		5.5	Đạt	
5	2193360055	Trần Hữu Cường	25/02/1997	02DS12D1	9.5	9.0	9.2		7.0		7.9	Đạt	
6	2193360027	Nguyễn Trọng Phú	11/05/2002	02DD12D1	8.3	8.8	8.6		6.8		7.5	Đạt	
7	2193360269	Ngô Bác Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	8.5	9.0	8.8		6.3		7.3	Đạt	
8	2193360186	Hồ Văn Quý	30/10/1995	02YS12D1	7.8	6.8	7.1		0.0		2.9	Thi lại	
9	2193360277	Đinh Thị Ánh Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	8.3	8.8	8.6		6.0		7.1	Đạt	
10	2193360268	Nguyễn Cao Trang	03/05/2002	02DS12D1	8.0	8.8	8.5		4.0		5.8	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: LÝ 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
					HS1	HS2			L1	L2			
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
1	2193360269	Ngô Bắc Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	10.0	10.0	10.0		8.5		9.1	Đạt	
2	2193360055	Trần Hữu Cường	25/02/1997	02DS12D1	10.0	10.0	10.0		9.0		9.4	Đạt	
3	2193360011	Nguyễn Thị Bích Dân	07/09/2000	02KT12D1	7.0	10.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
4	2193360265	Võ Thị Mỹ Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	8.5	7.8	8.0		7.3		7.6	Đạt	
5	2193360277	Đinh Thị Ánh Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	6.3	9.5	8.4		8.5		8.5	Đạt	
6	2193360136	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/02/1996	02KT12D1	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt	
7	2193360027	Nguyễn Trọng Phú	11/05/2002	02DD12D1	9.0	8.8	8.9		9.3		9.1	Đạt	
8	2193360186	Hồ Văn Quý	30/10/1995	02YS12D1	8.0	8.5	8.3		9.3		8.9	Đạt	
9	2193360268	Nguyễn Cao Trang	03/05/2002	02DS12D1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt	
10	2193360166	Nguyễn Thanh Vi	03/03/1999	02DD12D1	8.5	10.0	9.5		8.3		8.8	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: LÝ 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		Ghi chú
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
								4.0						
1	2193360269	Ngô Bắc	Cảnh	28/01/1994	02YS12D1	10.0	10.0	10.0		9.5		9.7	Đạt	
2	2193360055	Trần Hữu	Cường	25/02/1997	02DS12D1	9.3	9.3	9.3		9.5		9.4	Đạt	
3	2193360011	Nguyễn Thị Bích	Dân	07/09/2000	02KT12D1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt	
4	2193360265	Võ Thị Mỹ	Ngọc	19/12/1997	02DD12D1	8.5	8.3	8.4		8.8		8.6	Đạt	
5	2193360277	Đinh Thị Ánh	Nguyệt	12/08/1991	02DS12D1	8.8	8.5	8.6		9.3		9.0	Đạt	
6	2193360136	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1996	02KT12D1	5.5	7.5	6.8		8.3		7.7	Đạt	
7	2193360027	Nguyễn Trọng	Phú	11/05/2002	02DD12D1	10.0	8.5	9.0		9.0		9.0	Đạt	
8	2193360186	Hồ Văn	Quý	30/10/1995	02YS12D1	10.0	8.8	9.2		8.0		8.5	Đạt	
9	2193360268	Nguyễn Cao	Trang	03/05/2002	02DS12D1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt	
10	2193360166	Nguyễn Thanh	Vi	03/03/1999	02DD12D1	7.8	6.8	7.1		9.0		8.3	Đạt	